

**TÒA ÁN N DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 262/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25-10-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm N dân:

Ông Tạ Hồng Thái.

Bà Nguyễn Thị Thanh Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong. Thư ký Tòa án, Tòa án N dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án N dân thành phố Vị Thanh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018. về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2017/QĐXX-ST ngày 04 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T.

Địa chỉ: số 57/20, đường Lê Hồng Phong, khu vực 4, phường IV, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Hữu N.

Địa chỉ: số 57/20, đường Lê Hồng Phong, khu vực 4, phường IV, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2018 bà Nguyễn Thị Bích T trình bày: Bà T và ông Huỳnh Hữu N chung sống từ năm 1988, không đăng ký kết hôn. Đến

năm 2008 phát sinh mâu thuẫn, nên ông N bỏ đi đến nay. Nên bà T yêu cầu ly hôn với ông N.

Con chung: Có 04 người con tên Huỳnh Thị Bích Tr, sinh năm 1989; Huỳnh Thị Tuyết C, sinh năm 1994; Huỳnh Hồng N, sinh ngày 07/11/2000 và Huỳnh Thanh H, sinh ngày 18/12/2002 đang sống chung với bà T. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Hồng N và Huỳnh Thanh H, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung không có; Nợ chung không có.

Tài liệu chứng cứ kèm theo yêu cầu khởi kiện: giấy chứng minh N dân tên Nguyễn Thị Bích T (bản sao), sổ hộ khẩu (bản sao), giấy khai sinh Huỳnh Thanh H (bản sao), Huỳnh Hồng Ngọc (bản sao), Huỳnh Thị Tuyết C (bản sao), Huỳnh Thị Bích T (bản sao).

Quá trình thu thập chứng cứ Tòa án tổng đạt các văn bản theo quy định pháp luật cho bị đơn ông Huỳnh Hữu N, nhưng đến nay vẫn chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên toà: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày và giữ nguyên yêu cầu như trước đây. Bị đơn ông Huỳnh Hữu N đồng ý ly hôn và giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; Nợ chung khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bích T có gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Hữu N và được nuôi con chung, nên Tòa xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, nuôi con. Đây là vụ án về hôn N gia đình, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án N dân cấp huyện. Địa chỉ của bị đơn anh N tại khu vực 4, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án N dân thành phố Vị Thanh giải quyết là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn N: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Huỳnh Hữu N chung sống từ năm 1988 không đăng ký kết hôn. Vào năm 2008 ông N bỏ đi, đến năm 2018 bà T có đơn yêu cầu ly hôn với ông N. Ông N đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy, do bà Nguyễn Thị Bích T và ông Huỳnh Hữu N chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Đối chiếu với các quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn N và gia đình thì bà T ông N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Huỳnh Hữu N xác định có 04 con chung tên Huỳnh Thị Bích Tr, sinh năm 1989; Huỳnh Thị Tuyết C, sinh năm 1994; Huỳnh Hồng N, sinh ngày 07/11/2000 và Huỳnh Thanh H, sinh ngày 18/12/2002.

Con chung tên Huỳnh Thị Bích Tr, sinh năm 1989; Huỳnh Thị Tuyết C, sinh năm 1994, tính đến nay đã thành niên, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên Tòa không xem xét. Đối với cháu Huỳnh Hồng N, sinh ngày 07/11/2000 và Huỳnh Thanh H, sinh ngày 18/12/2002 tính đến nay đã hơn 07 tuổi và dưới 18 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn N và gia đình “Vợ chồng thỏa thuận người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ 07 tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con ”. Theo trình bày của bà T thì từ khi ông N đi đến nay bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Huỳnh Thanh H và Huỳnh Hồng N và hai cháu N, H cũng đã thể hiện nguyện vọng được sống chung với bà T, tại phiên tòa ông N cũng đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

[4]. Đối với việc cấp dưỡng, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật hôn N và gia đình người không trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà T chưa yêu cầu ông N cấp dưỡng nên Tòa chưa xem xét, khi nào bà T có yêu cầu sẽ xem xét bằng vụ án dân sự khác.

[5]. Về nợ chung: đương sự khai không có.

[6]. Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

[7]. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích T nộp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81 Luật hôn N và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn N: Không công nhận bà Nguyễn Thị Bích T và ông Huỳnh Hữu N là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Huỳnh Hồng N, sinh ngày 07/11/2000 và Huỳnh Thanh H, sinh ngày 18/12/2002.

Ông Huỳnh Hữu N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà T đã nộp tạm ứng án phí khởi kiện theo biên lai thu số 0016193 ngày 26/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí.

4. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- UBND phường IV, TPVT;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Tuyết Mai